

Đức Phật dạy:

“Này Tỳ-kheo! Nên biết pháp để tự chế ngự tâm ý, được điều lành không mừng, bị điều ác không buồn, việc ăn uống là để nuôi thân thể, chớ tham cầu đồ ngon, tham đắm mùi vị. Do ái dục tham cầu cho nên sanh tử không bao giờ chấm dứt.

“Phàm biết giữ thân điều độ, tự mình chế ngự thì có thể đạt được tâm định.”

Đức Phật thuyết giảng cho các Tỳ-kheo nghe, chỉ bày pháp yếu, khiến cho tất cả đều vui mừng. Họ đánh lễ rồi lui ra.

Các Tỳ-kheo phân chia đi đến các vùng lân cận, riêng Đức Phật và Hiền giả A-nan thì cùng đi đến xóm Vệ-sa¹. Lúc này, Đức Phật bị bệnh, toàn thân đau nhức. Đức Phật suy nghĩ: ‘Hiện nay Ta bị bệnh nặng, nhưng các đệ tử đều không có ở đây, Ta hãy chờ tất cả trở về đông đủ, Ta sẽ nhập Nê-hoàn. Vậy Ta nên tự dùng lực tinh tấn để trị bệnh này, bằng cách nhập môn định không suy niệm về các tướng². Ngài liền bằng tam-muội chánh thọ³ như vậy⁴ mà tư duy, nhập môn định không suy niệm về các tướng. Bằng tâm ý nhẫn nại này mà được tự tại.’

Hiền giả A-nan từ một gốc cây khác đứng dậy đi đến chỗ Đức Phật; cúi lạy xong, đứng qua một bên, hỏi thăm về bệnh tình của Đức Phật có thuyên giảm chăng.

Tôn giả thưa:

“Nghe Thánh thể bị bệnh, con thật sự vì thế mà lo và sợ. Há chẳng phải Đức Thế Tôn muốn nhập Nê-hoàn? Cúi nguyện Thế Tôn có điều chỉ dạy chúng đệ tử.”

¹ Vệ-sa tự 衛沙聚; chưa xác định được địa danh này. Có lẽ phiên âm của Trúc phương, hay Pāli: Beluvagāma. Theo bản Pāli, năm đó Phật và A-nan an cư tại xóm này.

² Bất niệm chúng tướng chi định 不念眾想之定; không thấy để cập nơi các bản khác. Có thể muốn nói là tướng thọ diệt tận định (Pāli: saññāvedayita-nirodhasamāpatti). Hoặc vô tướng định (Pāli: asaññā-samāpatti), nhưng đây là định của ngoại đạo mà Phật chê.

³ Chánh thọ tam muội 正受三昧: chánh thọ và tam muội, hay đẳng chí 等至 và đẳng trì 等持; Pāli: samāpatti vā samādhi.

⁴ Như kỳ tượng 如其像; Pāli, hoặc Skt.: evarūpam: hình dung từ, “có hình thức như vậy”, hay “giống như vậy”.

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

“Phật há có bao giờ cách biệt với chúng sao? Ta luôn luôn ở trong chúng Tỳ-kheo. Những điều cần nêu bày chỉ dạy thì trước sau đối với chúng Tăng Ta đã giảng nói đầy đủ. Các vị hãy nên tinh tấn theo kinh mà làm. Nay Ta bị bệnh toàn thân đau đớn, Ta liền tư duy về môn định không suy niệm các tướng, ý không gắn vào bệnh, cố gắng chịu đựng để chấm dứt cơn đau. Nay A-nan! Những gì Ta đã thuyết giảng trong ngoài đều đầy đủ. Phật là pháp sư, chẳng hề bỏ sót điều gì. Những sự việc cần làm, thì tự mình đều nhận biết một cách rõ ràng. Nay Ta cũng đã già, tuổi đã tám mươi, giống như chiếc xe cũ kỹ, không còn vững chắc nữa. Ta vốn có nói: Sinh tử có lúc, không có cái gì có sinh mà không có kết thúc. Có một cõi trên trời tên là Bát tướng nhập⁵, tuổi thọ đến tám mươi bốn ngàn vạn kiếp, cuối cùng thì cũng phải chết. Cho nên Phật giảng nói kinh pháp cho muôn người, nhằm chỉ ra con đường lớn là Nê-hoàn, đoạn trừ cội gốc của sinh tử. Nay Ta điều thân, lấy thân làm cây đèn⁶ để cho thân là chỗ quy y; lấy pháp làm cây đèn, để cho pháp là chỗ tự quy y.

“Sao gọi là cây đèn? Sao gọi là tự quy y? Đó là chuyên tâm vào bốn chí duy⁷.

“1. Tư duy quán thân.

“2. Tư duy quán thọ.

“3. Tư duy quán tâm.

“4. Tư duy quán pháp, tinh cần, chuyên niệm, tâm ý không xao lãng⁸.

Đó gọi là lấy tất cả giáo pháp làm ngọn đèn sáng, làm chỗ nương tựa cho chính mình. Ta vì điều này nên nói lại lần nữa. Nếu muốn hiểu rõ phải tinh tấn thực hành giới pháp trong, ngoài, khiến luôn được thành tựu. Còn như tự mình nương tựa nơi giáo pháp, hiểu kinh giáo của Phật thì đều là con cháu của Đức Như Lai.

“Nay Ta đã lìa bỏ ngôi vị Chuyển luân vương, vì muôn loài mà làm Bạc Giác Ngộ, chuyên lo hóa độ để thoát khỏi sinh tử nơi ba cõi.

⁵. Bát tướng nhập 不想入, tức cõi trời Phi tướng phi phi tướng xứ.

⁶. Đô vi hữu thân tác đĩnh linh thân quy 都為有身作錠令身歸; nói rõ hơn: hãy tự mình là ngọn đèn; tự mình là nơi nương tựa cho mình.

⁷. Xem cht.66.

⁸. Câu chót này là văn chuẩn cho cả ba niệm xứ trên.

Các vị cũng nên tự lo cho thân mình để đoạn trừ các khổ.”

Bấy giờ là an cư mùa hạ⁹ mùa mưa, sau khi khâu vá, sửa lại y phục xong, Đức Phật bảo Hiền giả A-nan cùng đi đến Duy-da-ly. Hiền giả vâng lời, lên đường dừng chân ở quán Viên hầu¹⁰, khát thực xong, rửa bát, tắm rửa, ngài lại cùng với Hiền giả A-nan đến chỗ Cấp tạt thần¹¹. Đức Phật dạy:

“Này A-nan! Nước Duy-da-ly được an lạc. Nước Việt-kỳ cũng được an lạc. Nay trong thiên hạ này có mười sáu nước lớn, tất cả các vùng đất ấy đều được an lạc. Sông Hy-liên-nhiên¹², tạo ra nhiều vàng ròng, cỏi Diêm-phù-đề như bức tranh vẽ có năm màu sắc. Con người ở đời cho sống lâu là vui sướng. Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni biết được bốn thần túc, thì có thể dứt trừ hết khổ, tu tập thực hành nhiều, thường nhớ mãi không quên, nếu mong muốn thì có thể đạt được bất tử, không chỉ trong một kiếp.

“Như vậy, này A-nan, bốn thần túc của Phật đã tu tập trong nhiều thời gian, chuyên niệm không quên, tùy theo ý muốn Như Lai có thể kéo dài tuổi thọ hơn một kiếp cũng được.”

Đức Phật nói điều này đến lần thứ hai, thứ ba.

Khi ấy tâm ý của Hiền giả A-nan như chìm đắm đâu đâu, bị ma che khuất, mịt mờ không rõ, nên im lặng không đáp.

Đức Phật bảo:

“Này A-nan! Người hãy đến dưới một gốc cây mà tĩnh tọa tư duy. Hiền giả liền theo lời dạy đi tới bên gốc cây, an tọa. Lúc này ma Ba-tuần¹³ đến nói rằng:

“Phật nên vào Bát-nê-hoàn. Việc giáo hóa đã hoàn tất, vậy có thể diệt độ. Ngày xưa, Phật du hóa nơi bờ sông Ủ-lưu¹⁴, giảng dạy cho

⁹. Hán: tị vũ thời 避雨時, vào thời kỳ tránh mưa.

¹⁰. Viên hầu quán 猿猴館, không rõ địa danh này.

¹¹. Cấp-tạt thần địa 急疾神地; No.1(2), Giá-bà-la tháp; Pāli: Cāpāla-cetiya.

¹². Hi-liên-nhiên hà 熙連然河; Pāli: Hiraṇṇavatī, ở Kusināra, nơi Phật nhập Niết-bàn.

¹³. Ma Ba-tuần 魔波旬; Pāli: Māra pāpimant, Ác ma, hay tử thần kẻ gây tội ác, xúi người khác làm ác.

¹⁴. Ủ-lưu hà 留留河; Pāli: Uruvelā; nhưng đó là địa phương ở bên bờ sông Neranlarā, gần cây bồ-đề nơi Phật thành đạo. Tham chiếu No.1(2): “Khi xưa, Phật ở bên bờ sông Ni-liên-thuyền, thuộc xứ Uất-tỳ-la”.

các người già rằng¹⁵:

“Ta là Phật, tuy được tự tại, nhưng không tham sống lâu. Vậy nay chẳng phải là đã đúng lúc, công việc hóa độ đã hoàn tất, có thể Bát-nê-hoàn được rồi.”

Đức Phật bảo Ba-tuần:

“Sở dĩ tới bây giờ mà ta chưa diệt độ là vì còn chờ cho chúng Tỳ-kheo và Tỳ-kheo-ni của ta đều được đầy đủ trí tuệ để kế thừa Chánh pháp khuyến hóa kẻ chưa đến với đạo giải thoát cùng khiến cho kẻ tu học được thành tựu. Và cũng vì chờ cho các hàng Thanh tín sĩ, Thanh tín nữ có được trí tuệ đầy đủ để góp phần kế thừa kinh, giới. Ai chưa hội nhập được hội nhập, kẻ thọ pháp thì được thành tựu. Như vậy, này Ba-tuần! Ta phải chờ cho bốn chúng đệ tử đều đạt được diệu lý của giáo pháp, thay nhau dạy dỗ, khai mở cho những chúng sanh còn mê muội, khiến cho kẻ tu học được thành tựu. Vì thế, mãi đến nay ta vẫn chưa diệt độ.”

Ma nói:

“Đã đủ rồi, thời gian đã hết.”

Đức Phật bảo:

“Người hãy im lặng! Không bao lâu, sau ba tháng nữa, Như Lai sẽ nhập Nê-hoàn.”

Lòng Ma vui sướng, hoan hỷ ra đi. Đức Phật liền ngồi ngay thẳng, nhập định tự tư duy, ở trong pháp tam-muội, không trụ vào tánh mạng, xả bỏ thọ hành còn lại. Ngay lúc ấy, đại địa chấn động mạnh; bầu trời trong vắt, ánh hào quang của Đức Phật soi khắp mười phương, chư Thiên, thần hiện ra khắp hư không. Đức Phật xuất định, tự nói kệ:

*Trong vô lượng các hành
Ta nay bỏ hữu vi,
Gần xa cần hóa độ,
Ta đã hóa độ khắp.*

Hiền giả A-nan trong lòng hoảng hốt, lông tóc dựng đứng, vội

¹⁵. Trong bản Hán: giải thuyết chư lão 解說諸老, có sự nhầm lẫn nào ở đây chăng?

bước nhanh đến chỗ Đức Phật, cúi lạy xong, đứng qua một bên, thưa:

“Kỳ lạ thay, bạch Đức Thế Tôn! Đại địa chấn động như vậy là do nhân duyên gì?”

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

“Đại địa ở thế gian khi chấn động có tám nguyên nhân. Những gì là tám?”

Trong khắp thiên hạ, đất ở trên nước, nước trụ trên gió, gió trụ trên hư không. Nơi hư không, gió lớn có lúc nổi lên làm cho các vùng nước lớn bị nhiễu loạn, như thế thì cả đại địa đều bị chấn động. Đó là nguyên nhân thứ nhất.

Có lúc một bậc Sa-môn đắc đạo, hoặc chư Thiên thần diệu, uy đức to lớn, muốn thể hiện diệu lực của mình nên dùng tay ấn xuống mặt đất, tức thì đại địa bị chấn động. Đó là nguyên nhân thứ hai.

Hoặc như vị Bồ-tát mới từ cõi trời thứ tư hạ sanh, nhập vào thai mẹ, là bậc Minh triết sáng suốt, muốn thị hiện đạo lớn để giáo hóa, khai mở cho kẻ mê lầm, bèn phóng luồng hào quang kỳ diệu làm chấn động cả đất trời, khiến cho các Phạm thiên, Đế Thích, Ma, Sa-môn, Phạm chí, tất cả đều được thấy ánh sáng ấy. Đó là nguyên nhân thứ ba.

Lúc Bồ-tát ra khỏi thai mẹ, đức của Ngài cảm hóa chư Thiên, bầu trời lúc này trong lành không chút mây che, hào quang kỳ diệu tỏa chiếu khắp nơi khiến cả đại địa chấn động. Đó là nguyên nhân thứ tư.

Đến lúc Bồ-tát đạt được đạo Vô thượng, chứng đắc quả vị Phật, khiến cho cả đại địa chấn động mạnh, trời thần bốn phương đều tán dương danh hiệu Phật. Đó là nguyên nhân thứ năm.

Lúc đã thành Phật, nơi pháp hội đầu tiên, ba lần Chuyển pháp luân, trời người hiểu rõ đây là việc Bồ-tát đã thành tựu được đạo lớn, hào quang tỏa chiếu khắp, bấy giờ cả đại địa đều chấn động. Đó là nguyên nhân thứ sáu.

Sự nghiệp giáo hóa của Đức Phật sắp hoàn mãn, muốn bỏ tuổi thọ, không trụ nơi tánh mạng, bèn phóng luồng hào quang lớn, như thông báo cho trời người cùng biết, làm cả đại địa chấn động. Đó là thứ nguyên nhân thứ bảy.

Phật là Bạc Chúng Hựu, lúc sắp xả thân, nhập Bát-nê-hoàn, hào quang chiếu nơi nơi, Thiên thần đều đến dự, khiến cho đại địa chấn động. Đó là nguyên nhân thứ tám.”

Tôn giả A-nan thưa:

“Nay Đức Phật đã xả bỏ tánh mạng rồi sao?”

Đức Phật đáp:

“Ta đã xả bỏ.”

A-nan thưa:

“Ngày xưa con nghe Phật dạy: ‘Nếu có đệ tử nào biết được Bốn thân tức, tu tập thực hành nhiều lần, chuyên niệm không quên, tùy theo ý muốn, có thể sống tới một kiếp hay hơn. Nhưng uy đức của Phật còn thù thắng hơn nhiều, vậy sao Ngài không kéo dài tuổi thọ?’.”

Đức Phật bảo A-nan:

“Nay lời nói của người, há chẳng sai lầm sao? Ta đã nói với người về bốn thân tức ấy cho đến hai ba lần, nhưng lúc đó người vẫn im lặng, đang mãi đắm chìm trong mê muội, tâm tưởng không sáng tỏ, bị ma che khuất, bây giờ còn hỏi gì nữa! Như thế thì lời của Phật đã nói ra có thể đi ngược lại chăng?”

A-nan thưa:

“Không thể được”.

“Như vậy, này A-nan! Những kẻ không trí khi đã tự mình nói ra rồi có thể đi ngược lại, còn ta thì không như vậy.”

A-nan rơi nước mắt, thưa:

“Đức Phật sắp nhập Nê-hoàn sao mà vội thế! Con mắt của thế gian chợt tắt, sao mà chóng thế!”

Đức Phật bảo Hiền giả A-nan:

“Hãy gọi các Tỳ-kheo đang du hóa ở nước Duy-da-ly trở về đông đủ ở đây.”

Tôn giả liền vâng lời đi gọi, tất cả các Tỳ-kheo trở về tụ tập ở giảng đường, cung kính đảnh lễ Phật rồi đứng qua một bên.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Thế gian là vô thường, không bền chắc, tất cả rồi sẽ ly tán. Ở trong sự vô thường đó, để cho tâm thức dong ruổi chỉ là tự dối mình mà thôi. Ân ái hội họp nào có bền lâu? Trời đất, núi Tu-di còn phải sụp đổ, huống chi là con người, sự vật mà lại muốn trường tồn sao! Sanh tử sâu khổ, chỉ là điều đáng nhàm chán. Sau ba tháng nữa, Phật sẽ nhập Niết-bàn, chớ cho

là lạ, chớ có ưu sầu. Vả lại tất cả các Đức Phật quá khứ, vị lai và hiện tại đều do pháp mà thành tựu. Kinh pháp nếu tồn tại đầy đủ thì nên tự cố gắng, siêng năng nỗ lực tu học, giữ tâm thanh tịnh, tất được giải thoát. Tình của tâm thức ngưng nghỉ thì không chết, mà cũng không còn sinh trở lại nữa, không còn phải luân lưu trong năm đường để bỏ thân này, thọ thân khác. Năm ấm đã đoạn trừ thì không còn tai họa đói, khát, lạnh, nóng, ưu sầu khổ não nữa.

“Con người biết giữ tâm chân chánh thì chư Thiên trên cõi trời thấy đều vui mừng cho kẻ ấy. Hãy hàng phục tâm, khiến luôn được thuần thực, tự chế ngự, chớ có theo tâm hành. Hành của tâm, không gì là không làm. Đắc đạo cũng do tâm vậy. Tâm làm trời, tâm làm người, tâm làm quỷ thần. Súc sanh, địa ngục cũng đều do tâm tạo ra cả. Từ sự tạo tác của tâm mà sanh ra các pháp, tâm làm ra thức, thức làm ra ý, ý chuyển nhập vào tâm. Tâm ấy, là cái dẫn đầu. Tâm chí làm ra hành, hành làm ra mạng¹⁶. Hiền hay ngu cũng do hành. Thọ hay yếu đều từ mạng. Phàm ba cái là chí, hành và mạng đều tùy thuộc vào nhau. Việc làm tốt hay xấu, thân ta phải thọ lãnh lấy. Cha làm điều bất thiện, con không chịu thay. Con làm điều bất thiện, cha cũng không chịu thay. Làm thiện thì tự mình được phước, làm ác thì tự mình nhận lấy tai ương. Nay Phật được cả trời người tôn kính đều do chí mà ra. Cho nên cần phải lấy tâm chân chính để hành pháp. Chỉ có người thực hành đúng theo Chánh pháp thì đời này được tịch tĩnh¹⁷, đời này được an ổn. Vậy hãy khéo thọ trì, tụng đọc kinh, giới, giữ tâm ý tĩnh lặng tư duy thì giáo pháp thanh tịnh của Ta mới được an trụ lâu dài, mới thể hiện lòng từ bi thương xót cứu độ các nỗi khổ của thế gian, dẫn dắt chư Thiên và muôn người đạt được an lạc.

“Các Tỳ-kheo nên biết, pháp ấy là những gì? Là Bốn chí duy, Bốn ý đoan, Bốn thần túc, Bốn thiền hạnh, Năm căn, Năm lực, Bảy

¹⁶. Chí, hành, mạng 志行命; chí tư, nghiệp và mạng căn. Tham chiếu, *Câu-xá luận*, quyển 5: thức khởi nghiệp, nghiệp kết thành mạng căn tức tuổi thọ.

¹⁷. Hán: hưu 休, chỉ sự bình an; Pāli: santi.

giác và Tám đạo đế¹⁸. Theo như điều đã thọ nhận mà hành trì thì có thể đạt được giải thoát, làm cho Chánh pháp không suy thoái.

“Sao gọi là Bốn chí duy? Là tư duy quán toàn thân trên nội thân; quán toàn thân trên ngoại thân; quán toàn thân trên nội ngoại thân, phân biệt, chuyên niệm, đoạn trừ tâm ý ngu si mê lầm. Quán về thọ, ý và pháp cũng giống như trên.

“Sao gọi là Bốn ý đoạn? Là pháp ác đã sanh thì nên liền đoạn trừ, sửa tánh theo hướng tinh tấn, tự thu nhiếp tâm ý đoạn chánh. Pháp ác chưa sanh thì kiềm chế đừng cho khởi lên, sửa tánh cho tinh tấn để tự thu nhiếp tâm ý đoạn chánh. Pháp thiện chưa sanh thì nên làm cho phát sanh, sửa tánh theo hướng tinh tấn, để tự thu nhiếp tâm ý đoạn chánh. Pháp thiện đã sanh, thì lập chí không quên, khiến cho luôn tăng trưởng, siêng năng làm cho tâm ý đoạn chánh.

“Sao gọi là Bốn thần túc? Là tư duy về dục định để diệt các hành, đầy đủ niệm thần túc¹⁹. Dục ấy không tà vạy, không lấy không bỏ, thường giữ hạnh thanh tịnh. Tư duy tinh tấn định, tư duy ý chí định, tư duy giới tập định²⁰, đều giống như trên đã nói.

“Sao gọi là Bốn thiền? Là bỏ dục, pháp ác, duy chỉ niệm, duy chỉ hành²¹, tâm chí an lạc vô vi²² thành thiền hạnh thứ nhất. Niệm, hành đã diệt, bên trong giữ nhất tâm, chí ở chỗ tịch tĩnh²³ thành thiền hạnh thứ

¹⁸. Bốn chí duy 四志惟 tức bốn niệm xứ; bốn ý đoạn 四意端 tức bốn chánh cần hay chánh đoạn; bốn thần túc 四神足; bốn thiền hành 四禪行 hay bốn tĩnh lự; năm căn 五根; năm lực 五力; bảy giác 七覺 tức bảy giác chi; tám đạo đế 八道諦 hay thánh đạo tám chi. Trên đây, trừ bốn thiền, còn lại là ba mươi bảy thành phần bồ-đề.

¹⁹. Tư duy dục định dĩ diệt chúng hành cụ niệm thần túc 思惟欲定, 以滅眾行, 具念神足. Văn chuẩn (định cú) của Huyền Tráng: dục tam-ma-địa thắng hành thành tựu thần túc; Pāli: chanda-samādhī-padhāna-sankhāra-samanvāgata-iddhipāda: thần thông được thành tựu bằng dụng công không ngừng tập trung tư tưởng trên điều ước muốn. Các giai đoạn tiếp theo, tập trung tâm chí (citta), tập trung nghị lực (viriya) và tập trung quán sát (vīmaṃsa)

²⁰. Duy tinh tấn định, duy ý chí định, duy giới tập định 惟精進定, 惟意志定, 惟戒習定. Xem cht.96.

²¹. Đản niệm đản hành 但念但行, tức duy tâm duy tứ, hay hữu giác hữu quán; Pāli: savitakka, savicāra.

²². Chí lạc vô vi 志樂無為, nghĩa là, có hỷ và lạc phát sanh do ly dục.

²³. Chí tại điềm tĩnh 志在恬靜, tức là trạng thái hỷ và lạc phát sanh do định.

hai. Tư duy quán sát, không dâm, tâm an, thể chánh, phân biệt thấy rõ ràng thành thiền hạnh thứ ba. Đã đoạn trừ khổ, vui, không còn tưởng về sự buồn vui, ý đã thanh tịnh, thành thiền hạnh thứ tư²⁴.

“Sao gọi là Năm căn?

“1. Tín căn, ý hướng về bốn điều hoan hỷ²⁵.

“2. Tinh tấn căn, phát huy bốn ý đoạn.

“3. Niệm căn tức niệm về bốn chí duy.

“4. Định căn, suy tư về bốn thiền hạnh.

“5. Trí căn, thấy Bốn chân đế.

“Sao gọi là Năm lực?

“1. Tín lực, ý hoan hỷ không hoại.

“2. Tinh tấn lực, thường hay kiểm chế đồng mãnh.

“3. Niệm lực, được quán chí duy.

“4. Định lực, thiền ý không loạn.

“5. Trí lực, dùng đạo để tự chứng đắc.

“Sao gọi là bảy giác chi? Là Niệm giác ý, Pháp giải giác ý, Tinh tấn giác ý, Ái hỷ giác ý, Nhất hướng giác ý, Duy định giác ý, Hành hộ giác ý.”

“Sao gọi là tám đạo? Là Chánh kiến, Chánh tư, Chánh ngôn, Chánh hành, Chánh mạng, Chánh tri, Chánh chí, Chánh định. Đó là pháp thanh tịnh để thoát khỏi thế gian.

Bấy giờ, Đức Phật bảo Hiền giả A-nan đồng đến ấp Câu-lợi²⁶. Hiền giả vâng lời cùng đi. Đức Phật mền thích thành Duy-da. Khi đi ngang qua nước này, ra khỏi cửa thành, Ngài quay người về phía bên phải, nhìn cửa thành mà cười. Hiền giả A-nan liền sửa lại y phục, gối bên mặt chạm sát đất, quỳ gối thưa:

“Từ khi con được hầu hạ Đức Phật cho đến nay hơn hai mươi năm, con chưa từng thấy Đức Phật làm gì mà không có duyên cớ. Như vậy việc Ngài quay người lại nhìn cửa thành mà cười là do nhân duyên gì?”

Đức Phật đáp:

²⁴. Về văn chuẩn (định cú) của bốn thiền, tham chiếu No.1(2), bản Việt, “9. Kinh Chúng Tập”, “10. Kinh Thập Thượng” và các chú thích rải rác.

²⁵. Chỉ bốn bất hoại tín.

²⁶. Câu-lợi ấp 拘利邑; Pāli: koṭṭāma. Nhưng trong bản Pāli, ra khỏi Vesāli, Phật đi đến thôn Bhandagāma.

“Đúng vậy, đúng vậy. Này A-nan! Nghi pháp của Phật là không bao giờ quay người một cách vọng động rồi cười suông. Đây là lần cuối cùng ta nhìn thành Duy-da-ly, nên Ta nhìn rồi cười.”

Bấy giờ, Đức Phật tự nói bài tụng:

*Đây là lần cuối cùng,
Ta ngắm Duy-da-ly,
Ta sắp vào Nê-hoàn,
Không còn tái sinh nữa.*

Có vị Tỳ-kheo khác cũng tán thán Ngài bằng bài tụng:

*Phật bảo đây cuối cùng,
Thân hành từ đây hết,
Nếu tâm mãi ruổi dong,
Làm sao thấy được Phật?*

Đức Phật cùng Hiền giả A-nan đồng đến Câu-lợi, dừng chân ở khu rừng phía Bắc thành. Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy gìn giữ tịnh giới, nên tư duy định ý, nên phát huy trí tuệ. Hễ ai giữ giới mà có cả định, tuệ, thành bậc Đại đức, có tiếng tăm lớn²⁷, vĩnh viễn xa lìa dứt tham dâm, sân hận, ngu si, có thể đạt được đạo quả Ứng chơn. Nếu muốn đời hiện tại đạt được giải thoát chân chánh thì hãy nỗ lực tự giải thoát, khiến cho sự sanh đã dứt hết, đã an trú hạnh thanh tịnh, đã làm việc cần làm, tự mình biết rằng sau thân này không còn thọ thân nào nữa²⁸.”

Đức Phật lại bảo Hiền giả A-nan cùng đi đến ấp Kiện-trì²⁹, đến nơi thì ngồi bên gốc cây phía Bắc thành. Ngài bảo các Tỳ-kheo:

“Hãy giữ giới thanh tịnh, tư duy định ý, để mong mở mang trí tuệ. Người giữ giới thanh tịnh thì không chạy theo ba trạng thái³⁰; người tư duy định ý thì tâm không buông lung tán loạn; người đã mở mang trí tuệ

²⁷. Tham chiếu Pāli: *silaparibhāvito samādhi mahapphalo hoti*, định cùng tu với giới thì có kết quả lớn.

²⁸. Tuyên bố của một vị khi chứng quả A-la-hán: tận thị sanh, nhập thanh tịnh đạo, dĩ như ứng hành, nãi tự tri thân, hậu bất phục thọ 盡是生, 入清淨道, 已如應行, 乃自知身, 後不復受. Văn chuẩn, xem rải rác trong bản Việt, No.1(2).

²⁹. Kiện trì ấp 健持邑. Phiên âm gần giống Kiện-chùy xú (Pāli: *Giñjakāvasatha*), là ngôi nhà gạch mà Phật đã đi qua trước đó, ở Nāḍika, tức xóm Hỷ dự.

³⁰. Tam thái 三態 chỉ cho tham, sân, si.

rồi thì lìa bỏ ái dục, hành động không bị chướng ngại. Người có đủ Giới, Định, Tuệ thì đức lớn, tiếng tăm vang xa, lại lìa dứt ba cấu uế³¹, cuối cùng đạt được quả Ứng chơn. Nếu muốn đời hiện tại đạt được giải thoát chân chánh thì hãy nỗ lực tự giải thoát, khiến cho sự sanh đã dứt hết, đã an trú hạnh thanh tịnh, đã làm việc cần làm, tự mình biết rằng sau thân này sẽ không còn thọ thân nữa.”

Đức Phật lại cùng Hiền giả A-nan đồng qua ấp Yêm-mãn và ấp Xuất kim, ấp Thọ thủ, ấp Hoa thị, lại đến ấp Thiện tịnh³², ở chỗ nào Ngài cũng vì các đệ tử nói ba điều căn bản này: Nên giữ giới, nên tư duy thiền định và nên mở mang trí tuệ. Giữ ba điều ấy thì uy đức, tiếng tốt vang xa, tiêu trừ dâm, nộ, si. Đó gọi là sự giải thoát chân chánh.

“Đã có giới thì tâm được định, tâm định đã thành tựu thì trí tuệ liền sáng tỏ. Như nhuộm tấm dạ sạch thì màu sắc sẽ tươi đẹp. Ai có ba tâm này thì dễ đạt được đạo. Chỉ một lòng cầu giải thoát, để cho sự sanh đã dứt hết, đã an trú hạnh thanh tịnh, đã làm việc cần làm, tự mình biết rằng sau thân sẽ không còn thọ thân nữa. Nếu ai không thực hành đầy đủ Giới, Định, Tuệ, mà muốn thoát khỏi sanh tử nơi thế gian thì thật là khó.

“Nếu có đủ ba điều ấy thì tâm ý tự khai mở, an tọa tư duy liền thấy rõ năm đường: trời, người, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ³³; biết rõ những điều nhớ nghĩ trong tâm ý của chúng sanh³⁴. Ví như khe nước trong sạch thì những thứ cát sỏi ở dưới đáy có màu xanh, vàng, trắng, đen đều thấy tất cả. Người đắc đạo do tâm thanh tịnh nên mọi đối tượng nhận thức đều thấu đạt. Nếu ai muốn đắc đạo thì hãy làm cho tâm mình được thanh tịnh. Như nước dơ, đục thì không thấy gì cả. Nếu giữ tâm không thanh tịnh thì không thể giải thoát khỏi thế gian³⁵.

“Những điều Thầy thấy được rồi giảng nói ra thì đệ tử phải nên thực hành. Thầy không thể thực hành thay cho đệ tử, nên giữ niệm chân

³¹. Tam cấu 三垢, đây chỉ ba lậu hoặc: dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu.

³². Những nơi Phật đi qua: ấp Yêm-mãn 掩滿邑, ấp Xuất kim 出金邑, ấp Thọ thủ 授手邑, ấp Hoa thị 華氏邑, ấp Thiện tịnh 善淨邑; No.1(2): từ Am-bà-la đi qua Chiêm-bà, Kiển-trà, Bệ-bà-la và thành Phụ-di; Pāli: từ Bhandagāma đi Hatthigāma, Ambagāma, Jambugāma, Bhoganagara.

³³. Chỉ sự chứng đắc thiên nhãn trí.

³⁴. Chỉ sự chứng đắc tha tâm trí (thay vì là túc mạng trí).

³⁵. Theo tuần tự, đoạn này nói về lậu tận trí, nhưng văn dịch không rõ ràng.

chánh. Nếu ai niệm ý được ngay thẳng thì liền đắc đạo. Đức Phật đã đạt được an lạc trong pháp thiện thanh tịnh.”